

Cách đây hơn một năm, có một nghệ sĩ khá nổi tiếng từ Việt Nam sang tham dự một sinh hoạt văn nghệ tại Úc.

Sinh ở Hà Nội sau năm 1975, anh là một nghệ sĩ tài hoa và có tính thán cách tân khá triệt để. Và vì tính thán cách tân này, dù tài hoa, anh vẫn bị cô lập ở Việt Nam. Sự cô lập này càng công kích thêm đến công chúng; và từ đó công chúng, dần lãng quên nó, công chúng cái nhìn cảm nhận và nhu cầu vẫn để liên quan đến chính trị và xã hội Việt Nam.



Tuy nhiên, sau một thời gian tiếp xúc thân mật với nhu cầu nghệ thuật trong công đồng nghệ thuật Việt tại Úc, anh vẫn bị sốc.

Một lần, anh tâm sự: “Đi đâu em nghe có nhiên nhứt là bà con bên này bị ám ảnh và quá khốn khổ quá. Lúc nói chuyện nào cũng đến đến những chuyện trước 75, rồi những chuyện sau 75, từ chuyện chiến tranh đến chuyện kinh tế mới, chuyện cái tởm và chuyện vô tội bị oan. Trong những cái, họ như bị em chôn ng bao giờ như hay nghĩ đến những chuyện như vậy nữa”.

Không phải chỉ có anh bạn nghề sĩ y. Tôi đã nghe nhiều người nói thế. Có người viết hẳn trên báo chí. Là: nghề nghiệp mà nhiều người không còn nhớ nữa, trong nước, người ta đã quên mất từ lâu rồi. Một số người còn lên giọng: Nên giữ gìn quá khứ để học hỏi và tiếp vào dòng chảy để không ngừng cải tiến nữa.

Nhưng tôi phát biểu ý kiến tôi nghĩ người viết tài ký ức.

Trước hết, cần nói ngay, ký ức, đặc biệt ký ức tập thể (collective memory) hay ký ức văn hóa (culture memory) là một tài khá mới trong giới nghiên cứu.

Trước, tôi nghĩ Khai Sáng, là con người, giới nghiên cứu chú ý đến lý trí. Từ Descartes đến Pascal và Kant, người nào cũng đề cao lý trí, cũng đều xem lý trí là năng lực tối thượng phân biệt con người và các loài động vật khác.

Từ đầu thế kỷ 20, đặc biệt như học giả Freud, và sau đó, Carl Jung, với nhiều trường phái khác nhau trong chủ nghĩa hiện đại, người ta lại đề cao vô thức, xem chính vô thức mới là động lực chính thúc đẩy và quyết định hành vi con người. Nó ẩn giấu trong đời sống cũng như trong các hoạt động sáng tạo. Cho khoa học vài thập niên gần đây, người ta mới hay đề cập đến vai trò của ký ức, thoạt đầu trong lĩnh vực xã hội học, sau, trong văn hóa học.

Có một câu nói nổi tiếng tiêu biểu cho quan niệm này: Chúng ta là những gì chúng ta nhớ (We are what we remember). Những gì chúng ta nhớ thì nên ý nghĩa cho những gì chúng ta làm hoặc hành vi; và tất cả những gì chúng ta làm hoặc hành vi đều được ghi nhớ lại nên hình thành nên chính chúng ta. Chính những hình ảnh này là những nguyên liệu đầu tiên và quan trọng nhất để nên nên nên nên nên. Bởi vậy những người biết bao giờ cũng biết ý niệm và bản sắc: Họ không biết họ là ai.

Nhưng ký ức có hai đặc điểm quan trọng cần lưu ý: Thứ nhất, nó không phải là cái gì thuần túy có tính cá nhân. Bởi ký ức nào cũng có tính tập thể. Nhưng, dù là những mối liên hệ hoàn toàn riêng rẽ, cũng vẫn liên hệ với một cái gì khác: một thời gian, một không gian, một hành vi và những con người khác. Qua việc này, do đó, chúng ta nên biết bản ngã và môi trường chung quanh, nên biết quá khứ và hiện tại, cá nhân và tập thể, cái riêng và cái chung.

Bởi vậy ký ức nào, dù riêng tư đến mấy, vẫn luôn phản ánh i quang cảnh mà t c ng đ ng: ký ức, m t m t, ki n t o và nuôi d ng b n s c cá nhân, m t khác, góp ph n đ nh hình b n s c t p th ; r i chính b n s c t p th y, đ n l t nó, l i tác đ ng ng c l i đ n ký ức, bi n ký ức thành m t quá trình ch n l c liên t c.

T đó, đ n đ n đ c đi m th hai: ký ức không ph i là nh ng gì c đ nh. Ký ức không ph i là kho l u tr hình nh m t cách máy móc và vô h n. Ký ức, ng c l i, không ng ng đ c tái t o và không ng ng đ c tái c u trúc.

Cùng m t s ki n, đ c nh trong nh ng th i đi m khác nhau, v i nh ng quan đi m và nh ng tâm tr ng khác nhau, chúng ta có nh ng hình nh khác nhau v i nh ng ý nghĩa khác nhau. Bởi vậy, ký ức nào cũng có tính hi n t i. Nó không ph i ch là quá kh . Nó là quá kh đ c hi n t i hoá. Và vì đ c hi n t i hoá, quá kh nào cũng có tính chính tr c a nó. Nh , do đó, là m t đi n ngôn (discourse), m t lo i hình t s , n gi u đ ng sau nh ng n l c đi n d ch và tái đi n d ch quá kh đ đ p ng nh ng th thách c a hi n t i.

Cũng c n l u ý là ký ức hi n đi n m i n n văn hoá. Ai cũng có ký ức và cũng c n ký ức. Nh ng đ ng nh v i ng i Vi t Nam, ký ức có t m quan tr ng h n h n nh ng n i khác, nh t là c các n c Tây ph ng.

Tây ph ng, nói chung, ký ức th ng nhanh chóng đ c thu th p, l u tr , xác minh và phân tích, cu i cùng, thành l ch s . Vi t Nam, ký ức th ng nguyên d ng ký ức, khu t chìm trong vô th c, bàng b c trong đ i s ng c a qu n chúng. Cái g i là l ch s Vi t Nam, ph n l n ch là nh ng m nh ký ức r i, nh p nhòa gi a huy n tho i và s th c, đ m đ c màu s c truy n thuy t. N u l ch s là nh ng đ i t s (grand narrative), ký ức ch là nh ng ti u t s . N u l ch s mang tính chính quy, đ c tuy n và nh t là tuy n tính, ký ức th ng đ ng ngoài m i thi t ch , g n li n ch y u v i văn hoá dân gian, th ng xuyên ch u s chi ph i c a nhi u y u t t ng tác trong xã h i.

Ng i Vi t thích s ng v i ký ức. Ng i Vi t h i ngo i l i càng thích s ng v i ký ức.

R i kh i quê h ng, s ng h n n c ng i, tuy t đ i đa s l u dân, trong đó có ng i Vi t Nam, không bao gi có th h i nh p h n vào cu c s ng m i. H s ng l ng l a gi a (in-between). Gi a gì? Gi a quê g c và quê m i. Gi a quá kh và hi n t i. Gi a hoài ni m và

hoài bão. Sống ở giữa là sống trên những biên giới, là gặp gỡ ở bên này và bên kia biên giới. Ở vùng biên giới này có gì? Chắc yếu là ký ức.

Ký ức trở thành quê hương chính của những người lưu dân, bất kể là lưu dân nào.

Nathalie Huynh Châu Nguyễn, một nhà nghiên cứu trẻ và xuất sắc ở Úc, mới xuất bản một cuốn sách mang nhan đề rất thú vị: “Ký ức là một quê hương khác: Phụ nữ Việt Nam lưu vong” (Memory is Another Country: Women of the Vietnamese Diaspora, Praeger, 2009). Tôi, xin nhắc: Trùng cớ đó, một nhà nghiên cứu Việt học nổi tiếng khác, Huỳnh-Tâm Hò-Tài, ở Mỹ, có một tác phẩm mang nhan đề tương tự, nhưng đề cập đến một khía cạnh khác là ở Việt Nam thời hậu chiến: “Quê hương của ký ức: Việc tái tạo quá khứ ở Việt Nam thời hậu chiến xã hội chủ nghĩa” (The Country of Memory: Remaking the Past in Late Socialist Vietnam, University of California Press, 2001).

Dĩ nhiên, hai cái “quê hương” được đề cập trong hai tác phẩm vừa kể rất khác nhau. Khác, không những đề cập đến mà còn với bản chất: với người trong nước, ký ức là một quê hương của địa phương; với những người lưu dân hay lưu vong, ký ức là quê hương của số phận. Là quê hương duy nhất. Ngoài nó, có khi không còn gì khác.

Người lưu dân hay lưu vong nào cũng gắn bó với ký ức. Những người lưu dân hay lưu vong ra đi từ một đất nước tan nát vì chiến tranh và ngập ngụa hận thù lại càng quay quắt với ký ức. Những người lưu dân và lưu vong đến sống ở các nền văn hoá khác, hoàn toàn xa lạ với nền văn hoá gốc lại càng bị giam hãm trong ký ức. Nói như thế cũng là cách mà các nhiên phân biệt hai loại ký ức: ký ức của người thuộc địa và ký ức của các nạn nhân.

Ký ức của cộng đồng người Việt ở hải ngoại chủ yếu là ký ức của nạn nhân. Một ký ức đau đớn máu và nước mắt. Không phải chỉ có máu và nước mắt thời kỳ chiến tranh mà còn có máu và nước mắt lúc chiến tranh đã kết thúc. Ở các nhà tù và trại cải tạo. Ở các chiến dịch đánh土豪 và bôn. Ở chính sách ngăn sông cấm chợ. Ở sự kìm hãm vùng miền và lý lịch. Ở những cuộc di tản và vượt biên đầy hãi hùng.

Đòi hỏi những người mang trong đầu và trong tim loại ký ức đau đớn máu và nước mắt này là một đòi hỏi vô cùng. Xuất phát từ miền quê của những người thuộc địa, nó không những vô cùng mà còn lâu dài.

Như, cách đây một hai năm gì đó, khi đọc một bài báo của một nhà văn miền Nam từng tham gia “Một trận” trước năm 1975, trong đó, ông phiến trách nhiệm người đi học ngoại sao cứ đau đầu mãi vì quá khổ trong khi ông và bạn bè và đồng chí của ông thì đã vượt hết tất cả qua một bên tường lâu rồi, một người bạn tôi bình luận:

“Cố gắng cố gắng có một thời gian lâu mạnh mẽ đến công nhân nhà của người ta và đuổi người ta ra đường. Một năm sau, thấy bạn nhân viên lên lên trên vĩa hè và nhìn tiếc ngôi nhà cũ, tên ăn cắp lên giọng: ‘Tôi sao ông bà lại phải như mãi như người chuyên buôn như thế? Tôi sao không quên đi? Tôi sao không học người lại đi sống một cách thanh thản chứ?’ Nói xong, họ quay về nhà, cái căn nhà họ công nhân của người ta, ngồi trên ghế salon, gác chân lên bàn, vĩa hè cựa và nghĩ đến chuyện quên lãng và tha thứ như một thời điểm của mà họ mới phát hiện ra được.”

Tôi không chỉ trả lời họ như thế. Tôi biết có thể đạo đức của sự tha thứ (ethics of forgiveness) nhưng tôi không hề tin vào thời điểm của sự quên lãng (ethics of forgetting).

Theo tôi, không phải chỉ có bạn sống mà cả ý niệm về đạo đức cũng được nuôi dưỡng từ ký ức, khổ cực, nếu không muốn nói, như tôi là, như người lo lắng ký ức đầy máu và nước mắt.